

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả
trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 811/QĐ-BNN-TT ngày 20/3/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển trồng trọt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức lại sản xuất, phát triển sản xuất trồng trọt theo hướng hàng hóa tập trung, theo vùng chuyên canh, gắn với xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc nông sản; đảm bảo phát triển sản xuất hiệu quả, bền vững về kinh tế - xã hội và môi trường.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; nâng cao giá trị sản xuất; nâng cao thu nhập/đơn vị diện tích đất trồng trọt sau khi thực hiện chuyển đổi; tạo thêm việc làm; góp phần thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản; thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Yêu cầu

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thường xuyên bị hạn và đất trồng mía, sắn, điều kém hiệu quả sang trồng rau, hoa, cây ăn quả, cây dược liệu, cây làm thức ăn cho chăn nuôi, cây trồng khác phải tạo ra giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế cao hơn trước khi chuyển đổi.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phải trên cơ sở khai thác tiềm năng, lợi thế về điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của từng vùng, từng địa phương để đầu tư phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với xây dựng mã số vùng trồng và công nghiệp chế biến, chế biến sâu, đa dạng sản phẩm, tạo ra những thương phẩm có giá trị gia tăng lớn, đảm bảo an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc rõ ràng.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phải dựa trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, công nghệ mới tiên tiến, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, thân thiện với môi trường; hình thành các chuỗi giá trị gia tăng bền vững; từng bước tiếp cận, mở rộng thị trường trong và ngoài nước theo chuỗi giá trị sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) và thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với định hướng, quy hoạch, kế hoạch phát triển và khai thác, tận dụng lợi thế sản xuất của từng vùng, từng địa phương; đảm bảo thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra và khả năng thực hiện của người dân, gắn với xây dựng, phát triển các chuỗi giá trị sản phẩm, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho nông dân, góp phần vào tăng trưởng, phát triển kinh tế, ổn định xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030 với diện tích khoảng 26.710 ha (trong đó: đất trồng lúa 3.790 ha, đất trồng mía 7.660 ha, đất trồng sắn 7.745 ha, đất trồng điều 4.020 ha và chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác 3.495 ha). Cụ thể các năm như sau:

Bảng 1. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030

STT	Năm	Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Trong đó				
			Chuyển đổi trên đất trồng lúa (ha)	Chuyển đổi trên đất trồng mía (ha)	Chuyển đổi trên đất trồng sắn (ha)	Chuyển đổi trên đất trồng điều (ha)	Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác (ha)
1	Năm 2026	8.150	1.550	2.650	2.080	520	1.350
2	Năm 2027	6.710	530	2.200	2.135	1.000	845
3	Năm 2028	4.260	565	1.200	1.000	700	795
4	Năm 2029	3.405	580	800	990	800	235
5	Năm 2030	4.185	565	810	1.540	1.000	270
Tổng cộng		26.710	3.790	7.660	7.745	4.020	3.495

III. ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG

Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thường xuyên bị hạn và đất trồng mía, sắn, điều kém hiệu quả sang trồng rau, đậu đỗ các loại, cây ăn quả, cây dược liệu, cây thức ăn chăn nuôi, cây trồng khác có giá trị kinh tế cao và dành quỹ đất phát triển các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo,... phải đảm bảo phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái.

1. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa thường xuyên bị hạn

a) Định hướng:

Thực hiện chuyển đổi trên những chân đất không chủ động nguồn nước tưới, thường xuyên bị hạn cuối vụ sang trồng các cây trồng hàng năm có hiệu quả kinh tế và đầu ra ổn định như: rau, lạc, khoai lang, ngô sinh khối, đậu đỗ các loại. Cụ thể:

- Khu vực phía Tây tỉnh, tập trung chuyển đổi trên diện tích đất trồng 02 vụ lúa/năm thường xuyên bị hạn trong vụ Đông Xuân.

- Khu vực phía Đông tỉnh, duy trì diện tích đất lúa đã chuyển đổi, tăng vụ sản xuất cây trồng cạn trên đất lúa đã chuyển đổi.

b) Kế hoạch chuyển đổi:

Giai đoạn 2026 -2030, phân đầu thực hiện chuyển đổi khoảng 3.790 ha đất trồng lúa kém hiệu quả, thường xuyên bị hạn, trong đó: dự kiến chuyển sang trồng rau các loại khoảng 1.470 ha, cây hàng năm khoảng 2.245 ha, cây lâu năm khoảng 75 ha. Cụ thể:

Bảng 2. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030

STT	Năm	Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Trong đó			Ghi chú
			Chuyển sang trồng rau các loại (ha)	Chuyển sang trồng cây hàng năm (ha)	Chuyển sang cây lâu năm (ha)	
1	Năm 2026	1.550	400	1.140	10	
2	Năm 2027	530	225	285	20	
3	Năm 2028	565	320	220	25	
4	Năm 2029	580	315	245	20	
5	Năm 2030	565	210	355		
Tổng cộng		3.790	1.470	2.245	75	

(Chi tiết kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa kém hiệu quả hàng năm của các xã, phường có phụ lục II, III, IV, V, VI kèm theo).

c) Cơ cấu cây trồng, mùa vụ, vùng chuyển đổi:

- Khu vực phía Tây tỉnh:

+ Cơ cấu khoai lang (vụ Đông Xuân) - lúa (vụ Mùa), tập trung ở các xã: Ia Rbol, Chư A Thai, Ia Pa, Phú Thiện, Ia Hiao,...

+ Cơ cấu ngô sinh khối (vụ Đông Xuân) - lúa (vụ Mùa), tập trung các xã: Kbang, Chư Sê, Chư Púh, Bờ Ngoong,...

+ Cơ cấu lạc, rau, đậu đỗ các loại (vụ Đông Xuân) - lúa (vụ Mùa), tập trung ở các xã còn lại.

- Khu vực phía Đông tỉnh:

+ Cơ cấu ớt/lạc (vụ Đông Xuân) - rau dưa các loại (vụ Hè Thu) - ngô (vụ Mùa), tập trung trên đất lúa chân cao ở các xã: Phù Mỹ, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Tây, Bình Dương, Phù Mỹ Bắc, Hòa Hội, Hội Sơn, Đê Gi, Cát Tiến,...

+ Cơ cấu lúa (vụ Đông Xuân) - hành/rau dưa các loại (vụ Hè Thu) - ngô/lạc (vụ Thu Đông), tập trung ở các xã: Đê Gi, Cát Tiến, Phù Mỹ Đông,...

+ Cơ cấu lúa (vụ Đông Xuân) - lạc/mè/rau dưa các loại (vụ Hè Thu) - ngô (vụ Mùa), tập trung ở các xã Đê Gi, Hòa Hội, Phù Mỹ Bắc, Bình Dương, phường Hoài Nhơn Tây,...

+ Cơ cấu lúa (vụ Đông Xuân) - lúa (vụ Hè) - ngô/rau các loại (vụ Mùa), tập trung các xã Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Bắc, phường Hoài Nhơn Tây, phường Hoài Nhơn Bắc,...

d) Vùng trọng điểm chuyển đổi trên đất trồng lúa kém hiệu quả: xã Ia Pa, Phú Thiện, Ia Rbol, Chư A Thai, Ia Hiao, Ia Pia, Pờ Tó,...

2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng mía kém hiệu quả

a) Định hướng:

- Tập trung chuyển đổi diện tích mía người dân trồng tự phát, không có các Nhà máy đầu tư, liên kết phát triển và thu mua nguyên liệu; chuyển đổi diện tích mía kém hiệu quả cách xa Nhà máy chế biến.

- Vùng chuyển đổi phải đảm bảo điều kiện về đất đai, nguồn nước, tập quán canh tác và khả năng đầu tư của người dân; chuyển đổi sang trồng cây ăn quả ở chân đất đảm bảo điều kiện và tổ chức sản xuất liên vùng, hình thành vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, gắn với xây dựng mã số vùng trồng và các cơ sở thu mua, Nhà máy chế biến rau quả trên địa bàn.

b) Kế hoạch chuyển đổi:

Giai đoạn 2026 - 2030, phấn đấu thực hiện chuyển đổi khoảng 7.660 ha đất trồng mía kém hiệu quả, trong đó: dự kiến chuyển đổi sang trồng cây ăn quả khoảng 3.815 ha, cây hàng năm khoảng 3.805 ha; được liệu khoảng 40 ha. Cụ thể:

Bảng 3. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng mía kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030

STT	Năm	Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Trong đó			Ghi chú
			Chuyển sang trồng cây ăn quả (ha)	Chuyển sang trồng cây hàng năm (ha)	Chuyển sang trồng cây dược liệu (ha)	
1	Năm 2026	2.650	1.340	1.290	20	
2	Năm 2027	2.200	1.020	1.180	0	
3	Năm 2028	1.200	580	620	0	
4	Năm 2029	800	425	375	0	
5	Năm 2030	810	450	340	20	
Tổng cộng		7.660	3.815	3.805	40	

(Chi tiết kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng mía kém hiệu quả hàng năm của các xã, phường có phụ lục II, III, IV, V, VI kèm theo).

c) Cơ cấu cây trồng, vùng chuyển đổi:

- Đối với các vùng trung tâm và phía Tây tỉnh Gia Lai (cũ), vùng đất đỏ bazan, có nguồn nước tưới: khuyến cáo, hướng dẫn người dân chuyển đổi sang trồng các cây trồng có giá trị kinh tế cao và đầu ra ổn định như: chanh dây, khoai tây, khoai lang, dưa, chuối già hương Nam Mỹ,...

- Đối với các vùng phía Đông, Đông Nam tỉnh Gia Lai (cũ): khuyến cáo, hướng dẫn người dân chuyển đổi sang trồng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế như: măng cầu, nhãn, dứa xiêm, xoài cát Hòa Lộc, dứa; lạc, ớt, các loại rau, đậu đỗ và các cây trồng khác có giá trị kinh tế, đầu ra ổn định, phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

d) Vùng trọng điểm chuyển đổi trên đất trồng mía: xã Tơ Tung, Pờ Tó, Chơ Long, Ia Hội, Kông Bờ La, Ia Hứ, An Bình, Đak Pơ, Kbang, Kông Chro, Chư Krey, Sró, Phú Thiện, Phú Túc, Ia Rсай,...

3. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng sản kém hiệu quả

a) Định hướng:

- Chuyển đổi diện tích sản kém hiệu quả cách xa Nhà máy chế biến. Phát triển ổn định vùng sản xuất sản làm nguyên liệu cho các nhà máy chế biến tinh bột sắn, phục vụ chăn nuôi và các nhu cầu khác.

- Khuyến khích phát triển cây sắn tập trung ở những vùng, những nơi đảm bảo yêu cầu áp dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa trong sản xuất nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sắn; chỉ trồng sắn ở những vùng, những nơi có điều kiện thâm canh.

b) Kế hoạch chuyển đổi:

Giai đoạn 2026 - 2030, phân đầu thực hiện chuyển đổi khoảng 7.745 ha đất trồng sản kém hiệu quả, trong đó: dự kiến chuyển sang trồng cây ăn quả khoảng 3.060 ha, dược liệu khoảng 135 ha, cây hàng năm khoảng 4.200 ha, cây lâu năm khoảng 350 ha, cụ thể:

Bảng 4. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng sản kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030

STT	Năm	Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Trong đó				Ghi chú
			Chuyển sang trồng cây ăn quả (ha)	Chuyển sang trồng cây hàng năm (ha)	Chuyển sang trồng cây dược liệu (ha)	Chuyển sang cây lâu năm (ha)	
1	Năm 2026	2.080	895	1.125	10	50	
2	Năm 2027	2.135	930	1.155	35	15	
3	Năm 2028	1.000	315	605	15	65	
4	Năm 2029	990	365	505	15	105	
5	Năm 2030	1.540	555	810	60	115	
Tổng cộng		7.745	3.060	4.200	135	350	

(Chi tiết kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng sản kém hiệu quả hàng năm của các xã, phường có phụ lục II, III, IV, V, VI kèm theo).

c) Cơ cấu cây trồng, vùng chuyển đổi:

- Khu vực phía Tây tỉnh:

+ Chuyển diện tích sản trồng ở độ dốc cao sang trồng cây trồng khác phù hợp, có hiệu quả kinh tế cao hơn.

+ Đối với các vùng trung tâm và phía Tây tỉnh Gia Lai (cũ), vùng đất đỏ bazan, có nguồn nước tưới: khuyến cáo, hướng dẫn người dân chuyển đổi sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao và đầu ra ổn định như: chanh dây, khoai tây, khoai lang, dứa, chuối già hương Nam Mỹ,...

+ Đối với các vùng phía Đông, Đông Nam tỉnh Gia Lai (cũ): khuyến cáo, hướng dẫn người dân chuyển đổi sang trồng các loại cây ăn quả như: Mãng cầu, nhãn, dứa xiêm, xoài cát Hòa Lộc, dứa; lạc, ớt, các loại rau, đậu đỗ, ngô sinh khối và các cây trồng khác có giá trị kinh tế, đầu ra ổn định, phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

- Khu vực phía Đông tỉnh: tập trung chuyển đổi mới trên đất trồng sản thuộc khu tưới Trạm bơm Mỹ Tài ở xã Phù Mỹ Nam, xã Phù Mỹ; duy trì diện tích cây trồng chuyển đổi trên diện tích đất trồng sản ở các xã đã thực hiện chuyển đổi; đa dạng cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả chuyển đổi.

+ Cơ cấu lạc (vụ Đông Xuân) - mè/rau dừa các loại (vụ Hè Thu) - ngô/hành/kiệu (vụ Mùa), tập trung ở các xã: Bình Hiệp, Hòa Hội, Hội Sơn, Phù Mỹ, Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ Tây,...

+ Cơ cấu lạc (vụ Đông Xuân) - rau dừa (vụ Hè Thu) - lạc (Thu Đông), tập trung ở xã Bình Hiệp, Hòa Hội, Hội Sơn, Phù Cát,...

+ Cơ cấu lạc (vụ Đông Xuân) - sản, tập trung ở xã Bình Hiệp, Hòa Hội, Hội Sơn, Phù Mỹ Nam,...

+ Cơ cấu ớt/rau các loại (vụ Đông Xuân) - mè/ngô (vụ Hè Thu), tập trung ở các xã: Phù Mỹ Nam, Phù Mỹ, Phù Mỹ Đông, Hòa Hội, Hội Sơn,...

d) Vùng trọng điểm chuyển đổi trên đất trồng sản: xã Ia Khuol, Ia Pia, Ia Ko, Ia Le, Kông Chro, Ia Grai, Chư Prông, Chư Pưh, Ia Hrú, Đak Pơ, Kbang, Phú Thiện, Đak Some, Phù Mỹ Nam,...

4. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng điều kém hiệu quả

a) Định hướng:

- Chuyển diện tích điều kém hiệu quả trồng trên các chân đất có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thích hợp cho phát triển diện tích cây ăn quả, cây dược liệu; rau, đậu đỗ các loại và cây trồng khác có giá trị kinh tế cao; phù hợp với nhu cầu thị trường và tình hình thực tế, điều kiện cụ thể nhằm khai thác, tận dụng các lợi thế sản xuất của từng vùng, từng địa phương.

- Ưu tiên chuyển đổi diện tích điều trồng trên vùng đất đỏ bazan sang trồng cây trồng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như: chanh dây, chuối, sầu riêng, dưa, ... để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao giá trị sản xuất, góp phần đảm bảo phát triển sản xuất hiệu quả, bền vững.

b) Kế hoạch chuyển đổi:

Giai đoạn 2026 -2030, phấn đấu thực hiện chuyển đổi khoảng 4.020 ha đất trồng điều kém hiệu quả, trong đó: dự kiến chuyển sang trồng cây ăn quả khoảng 1.935 ha, dược liệu khoảng 150 ha, cây hàng năm khoảng 1.895 ha, cây lâu năm (mắc ca,...) khoảng 40 ha, cụ thể:

Bảng 5. Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng điều kém hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030

STT	Năm	Tổng Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Trong đó				Ghi chú
			Chuyển sang trồng cây ăn quả (ha)	Chuyển sang trồng cây hàng năm (ha)	Chuyển sang trồng cây dược liệu (ha)	Chuyển sang cây lâu năm (ha)	
1	Năm 2026	520	230	270	0	20	
2	Năm 2027	1.000	510	445	30	15	
3	Năm 2028	700	335	330	30	5	
4	Năm 2029	800	310	450	40	0	
5	Năm 2030	1.000	550	400	50	0	
Tổng cộng		4.020	1.935	1.895	150	40	

(Chi tiết kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng điều kém hiệu quả hàng năm của các xã, phường có phụ lục II, III, IV, V, VI kèm theo).

c) Cơ cấu cây trồng, vùng chuyển đổi:

- Đối với các vùng trung tâm và phía Tây tỉnh Gia Lai (cũ), vùng đất đỏ bazan, có nguồn nước tưới: khuyến cáo, hướng dẫn người dân chuyển đổi sang trồng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao và đầu ra ổn định như chanh dây, khoai tây, khoai lang, dứa, chuối già hương Nam Mỹ,...

- Đối với các vùng phía Đông, Đông Nam tỉnh Gia Lai (cũ): khuyến cáo, hướng dẫn người dân chuyển đổi sang trồng các loại cây ăn quả như măng cầu, nhãn, dứa xiêm, xoài cát Hòa Lộc, dứa; lạc, ớt, các loại rau, đậu đỗ và các cây trồng khác có giá trị kinh tế, đầu ra ổn định, phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

d) Các xã trọng điểm chuyển đổi: xã Gào, Bàu Cạn, Ia Lâu, Ia Pia, Ia Mor, Ia Púch, Ia Rsai, Ia Grai, Uar, Ia Nan, Ia Pnôn, Ia Krêl, Ia Dom,...

5. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng cây trồng khác kém hiệu quả

a) Định hướng:

- Chuyển diện tích đất trồng cây trồng khác kém hiệu quả (đất nông nghiệp trồng cây lâm nghiệp,...) sang trồng cây ăn quả, cây lâu năm, cây hàng năm, cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường ở những chân đất thích hợp và dành một phần quỹ đất để phát triển các khu, vùng, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo,...

- Ưu tiên chuyển đổi vùng đất đỏ bazan, vùng đất có độ cao trên 700m so với mực nước biển sang trồng các loại cây trồng phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và có giá trị kinh tế cao như: chanh dây, chuối, sầu riêng, dứa,...

b) Kế hoạch chuyển đổi:

Giai đoạn 2026 - 2030, phân đầu thực hiện chuyển đổi khoảng 3.495 ha đất trồng các cây trồng khác, trong đó: dự kiến chuyển sang trồng cây ăn quả khoảng 2.125 ha, cây lâu năm khoảng 305 ha, cây hàng năm khoảng 235 ha, cây dược liệu khoảng 175 ha, chuyển sang các dự án khoảng 655 ha, cụ thể:

Bảng 6. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng cây trồng khác giai đoạn 2026 - 2030

STT	Năm	Tổng diện tích chuyển đổi (ha)	Trong đó				
			Chuyển sang trồng cây ăn quả (ha)	Chuyển sang trồng cây lâu năm (ha)	Chuyển sang trồng cây hàng năm (ha)	Chuyển sang trồng cây dược liệu (ha)	Chuyển sang các dự án (chăn nuôi, điện gió,...) (ha)
1	Năm 2026	1.350	1.240	25	35	25	25
2	Năm 2027	845	480	55	60	50	200
3	Năm 2028	795	165	75	75	50	430
4	Năm 2029	235	120	50	40	25	0
5	Năm 2030	270	120	100	25	25	0
Tổng cộng		3.495	2.125	305	235	175	655

Ghi chú: Đối với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích cao su kém hiệu quả trồng trên đất rừng nghèo có kế hoạch riêng; thực hiện sau khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền.

(Chi tiết kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng các cây trồng khác hàng năm trên địa bàn các xã, phường có phụ lục II, III, IV, V, VI kèm theo).

c) Các xã trọng điểm chuyển đổi: xã Gào, Chư Prông, Bàu Cạn, Ia Ko, Bờ Ngoong, Kon Gang, Ia Boong, Krong, Bình Hiệp, Hoà Hội, Bình Khê, Hoài Ân, An Lão...

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường, đẩy mạnh công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của việc tổ chức lại sản xuất trồng trọt đảm bảo hiệu quả, bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò, tầm quan trọng của trồng trọt với các giá trị kinh tế, môi trường và ổn định xã hội. Tăng cường, đa dạng hóa các hình thức, nội dung truyền thông để người dân, doanh nghiệp chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp trong lĩnh vực trồng trọt; về tăng trưởng xanh; về sản xuất trồng trọt theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, đa giá trị, giảm phát thải,...

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động và phổ biến rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, hiệu quả của việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng và tổ chức lại sản xuất trồng trọt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, theo vùng chuyên canh, gắn với xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc nông sản,... Qua đó, người dân và các cấp, các ngành thay đổi nhận thức và tư duy sản xuất, từ bỏ thói quen, tập quán canh tác nhỏ lẻ, phân tán, thụ động; lấy hiệu quả của sản xuất làm mục tiêu, sản xuất theo kế hoạch và tiêu chuẩn, yêu cầu của thị trường, tiến tới người sản xuất phải biết sản phẩm làm ra tiêu thụ như thế nào, tiêu thụ ở đâu, ai đứng ra tiêu thụ, số lượng bao nhiêu, chất lượng thế nào, giá cả ra sao rồi mới tiến hành sản xuất (sản xuất theo chuỗi) để giải quyết triệt để nỗi lo “được mùa rớt giá”, góp phần phát triển sản xuất trồng trọt bền vững, hiệu quả và nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho người dân.

- Đẩy mạnh việc phổ biến các văn bản pháp luật về lĩnh vực trồng trọt, đất đai, giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... nhằm nâng cao nhận thức và tuân thủ pháp luật của người dân, doanh nghiệp và các tầng lớp xã hội có liên quan.

2. Về xác định vùng sản xuất và đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ các vùng sản xuất

- Tập trung phân loại, xác định, xây dựng kế hoạch chuyển đổi cây trồng và phát triển diện tích cây trồng có lợi thế theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; phát triển các vùng nguyên liệu cây trồng hàng hóa đạt chuẩn, sản xuất theo hợp đồng kinh tế gắn với thị trường tiêu thụ và xuất khẩu. Thực hiện chuyển đổi diện tích cây trồng thường xuyên bị hạn, diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao, có đầu ra ổn định, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật để đầu tư phát triển các khu, vùng, dự án sản xuất trồng trọt theo hướng an toàn, bền vững, ứng dụng công nghệ cao và xây dựng nhà xưởng, hệ thống cơ sở sơ chế, đóng gói, kho lạnh bảo quản nông sản sau thu hoạch và xây dựng các công trình phụ trợ khác (nếu có) theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát việc sử dụng đất đúng mục đích, đúng đối tượng. Kiểm tra, rà soát chất lượng các công trình thủy lợi để có kế

hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới phù hợp với mục tiêu Kế hoạch đề ra và phát triển, mở rộng các vùng sản xuất thâm canh nông sản hàng hóa tập trung.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ ngân sách và các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất; ưu tiên phát triển hệ thống đường giao thông, công trình thủy lợi, điện,...khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, nông hộ xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, giao thông, điện, nhà kính, nhà lưới trong vùng sản xuất chuyên canh tập trung.

3. Về tổ chức sản xuất; phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Căn cứ vào kết quả đánh giá phân hạng thích hợp đất đai đối với từng loại cây trồng; xây dựng kế hoạch chuyển đổi và phát triển các vùng nguyên liệu cây trồng hàng hóa đạt chuẩn gắn với phát triển mạng lưới các nhà máy sơ chế, bảo quản, chế biến; ưu tiên bố trí đất đủ lớn phù hợp để thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy, cơ sở chế biến nông sản và phát triển các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Áp dụng đồng bộ các quy trình canh tác bền vững; áp dụng biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) vào sản xuất; quản lý sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có trách nhiệm gắn với xây dựng mã số vùng trồng, đảm bảo truy xuất nguồn gốc nông sản,...

- Đẩy mạnh thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt, ưu tiên phát triển nhóm doanh nghiệp tham gia chế biến tinh, chế biến sâu, chế biến phụ phẩm áp dụng công nghệ cao đối với các ngành hàng có lợi thế của địa phương. Chú trọng từng bước hình thành các tổ hợp nông, công nghiệp, dịch vụ công nghệ cao, gắn kết chặt chẽ với nông dân theo mô hình sản xuất nông nghiệp đa chức năng và phát triển bền vững.

- Mỗi xã, phường lựa chọn ưu tiên phát triển một số loại cây trồng chủ lực và nhóm nông sản mà địa phương có lợi thế sản xuất, mang tính đặc sản vùng miền và có khả năng liên kết với các địa phương xung quanh để tạo ra vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

- Rà soát, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hiện có. Khuyến khích, hỗ trợ để đẩy mạnh thành lập mới các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại các vùng sản xuất sản nông sản hàng hóa tập trung; xây dựng, hình thành mối liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông hộ trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản thông qua hợp đồng kinh tế.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn và xây dựng lực lượng cán bộ kỹ thuật để tư vấn, hướng dẫn nông dân thực hiện chuyển đổi cây trồng và tổ chức sản xuất nông sản hàng hóa đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Xây dựng các điểm tư vấn, hỗ trợ cho nông dân về cơ chế chính sách, thị

trường tiêu thụ... Mở các lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tại chỗ, nâng cao nhận thức của người dân trong việc chuyển đổi cây trồng, ứng dụng các tiên bộ kỹ thuật, giống cây trồng mới và áp dụng đồng bộ các quy trình canh tác bền vững.

4. Về khoa học công nghệ

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất, thiết lập hệ thống giám sát thời tiết, dự tính, dự báo và cảnh báo sớm sinh vật gây hại cây trồng để chủ động thực hiện biện pháp phòng trừ có hiệu quả, bảo vệ sản xuất. Nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm đưa vào sản xuất, kinh doanh các giống cây trồng mới có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu sâu bệnh, thích ứng biến đổi khí hậu; ưu tiên nghiên cứu và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong hoạt động sơ chế, chế biến và bảo quản nông sản.

- Mở rộng đột phá về quy mô diện tích, sản lượng sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), nông nghiệp hữu cơ và các tiêu chuẩn được cấp chứng nhận phục vụ xuất khẩu nông sản; thực hiện tốt các biện pháp phát triển sản xuất bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Xây dựng và áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh đồng bộ đảm bảo tiêu chí nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phù hợp với từng đối tượng cây trồng chuyển đổi để nâng cao chất lượng, giảm chi phí đầu vào, đảm bảo an toàn thực phẩm; bảo vệ và nâng cao độ phì của đất; áp dụng hiệu quả công nghệ tiên tiến trong bảo quản, chế biến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng giá trị nông sản. Xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc từ mã vạch và giám sát, kiểm soát chất lượng sản phẩm thông qua dữ liệu điện toán đám mây và công nghệ số hóa; xây dựng và nhân rộng mô hình, chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

5. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hiện có được quy định tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp,...

- Tiếp tục rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh nhằm thúc đẩy nhanh việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phát triển diện tích cây trồng hàng hóa có lợi thế của tỉnh theo hướng hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ phát triển vùng trồng áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ chế biến, bảo

quản nông sản, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cấp mã số vùng trồng; hỗ trợ xây dựng liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ và xuất khẩu nông sản; phát triển cơ sở hạ tầng các vùng sản xuất nông sản hàng hóa tập trung... để đảm bảo mục tiêu Kế hoạch đề ra.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Trên cơ sở định hướng của tỉnh, các địa phương xây dựng Kế hoạch và tổ chức thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030. Rà soát, xác định, lựa chọn cây trồng chuyển đổi phù hợp với tiềm năng, lợi thế của địa phương để tập trung đầu tư đẩy mạnh phát triển sản xuất (mỗi xã/phường cần xác định và ưu tiên trồng tập trung, lựa chọn 01 - 02 cây có lợi thế); chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tổ chức sản xuất bền vững, hiệu quả và tự nguyện tham gia các hình thức hợp tác liên kết, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản với doanh nghiệp, hợp tác xã; đẩy mạnh tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân phát triển vùng nguyên liệu; áp dụng đúng quy trình kỹ thuật thâm canh cho cây trồng; sản xuất theo chuỗi giá trị; hướng dẫn, vận động các tổ chức, cá nhân áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP, GlobalGAP), nông nghiệp hữu cơ (Organic) và các tiêu chuẩn được chứng nhận,... đảm bảo sản phẩm nông sản đáp ứng yêu cầu chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, đầu tư thâm canh, cơ giới hóa sản xuất, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật đối với cây trồng như: Sử dụng phân hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, tưới tiết kiệm nước... nâng cao hiệu quả sản xuất, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tổ chức thực hiện tốt việc lồng ghép nguồn vốn đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác trên địa bàn để hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả và đầu tư liên kết phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa tập trung, quy mô lớn, gắn với chế biến, bảo quản nông sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững. Chủ động, phối hợp với các đơn vị chuyên môn liên quan của Sở Nông nghiệp và Môi trường lựa chọn địa điểm xây dựng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nâng cao giá trị trên một đơn vị diện tích đất canh tác, phát huy lợi thế của địa phương và tổ chức sản xuất hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, căn cứ tình hình thực tế của tỉnh, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh Kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội.

3. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án để đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Đề xuất các cơ chế, chính sách và giải pháp khuyến khích, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến các sản phẩm nông sản có thế mạnh của địa phương.

4. Sở Công Thương

- Phối hợp thực hiện việc quản lý chương trình, dự án phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với cụm công nghiệp, các nhà máy, cơ sở chế biến phù hợp với quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu và chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản và logistics nông sản, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và đáp ứng yêu cầu thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

- Chủ trì triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, phát triển thương hiệu sản phẩm nông sản sau chuyển đổi.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ số và triển khai chuyển đổi số trong thương mại nông sản, thúc đẩy giao dịch qua sàn thương mại điện tử, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm hiệu quả.

5. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Hướng dẫn, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, cơ quan liên quan đề xuất, xây dựng các nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Quốc gia.

- Hướng dẫn đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thiết bị mới tiên tiến trong chế biến, phát triển vùng nguyên liệu cây trồng hàng hóa đạt chuẩn trên địa bàn tỉnh.

6. Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ liên quan theo Kế hoạch đã đề ra.

7. Trân trọng đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: Chủ động, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường; các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương triển khai Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030 có hiệu quả; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn và vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân tham gia phát triển sản xuất nông sản hàng hóa theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, đảm bảo an toàn thực phẩm; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái; sản xuất có trách nhiệm với người tiêu dùng và xã hội,... để tạo sự đồng thuận, chung sức và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để kịp thời tháo gỡ. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT, N5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Mah Tiệp

STT	Xã, PHƯỜNG	Tổng DT chuyển đổi GD 2026-2030 (ha)	Chuyển đổi trên đất trồng lúa				Chuyển đổi trên đất trồng mía				Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng điều					Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác						
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang các dự án (điện gió, điện mặt trời, chăn nuôi...)	
51	Xã Biên Hồ	150	-	-	-	-	-	-	-	-	150	150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
52	Xã Kon Chiêng	135	-	-	-	-	50	15	15	20	65	35	13	-	17	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
53	Xã Đắk Rong	115	70	-	-	70	-	-	-	-	45	5	40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
54	Xã Albá	112	3	1	2	-	-	-	-	-	100	40	60	-	-	9	8	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
55	Xã Đắk Song	101	-	-	-	-	32	13	19	-	61	-	55	5	1	8	2	1	5	-	-	-	-	-	-	-	-
56	Xã Ia Sao	97	-	-	-	-	50	30	20	-	42	15	27	-	-	5	5	0	-	-	-	-	-	-	-	-	-
57	Xã Ia Dok	95	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	95	35	53	7	-	-	-	-	-	-	-	-
58	Xã Ia Phí	93	-	-	-	-	-	-	-	-	87	17	64	-	6	6	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
59	Xã Ia Dreh	91	-	-	-	-	39	19	20	-	43	10	33	-	-	9	-	9	-	-	-	-	-	-	-	-	-
60	Xã Lơ Pang	86	14	-	14	-	-	-	-	-	70	70	-	-	-	2	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
61	Xã Chư Sê	71	8	4	4	-	-	-	-	-	53	25	28	-	-	10	2	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-
62	Xã Hra	71	11	11	-	-	-	-	-	-	60	25	35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
63	Xã Ia O	62	7	2	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	55	35	20	-	-	-	-	-	-	-	-	-
64	Xã Ia Hrug	57	1	1	-	-	-	-	-	-	5	2	3	-	-	51	25	26	-	-	-	-	-	-	-	-	-
65	Phường An Phú	50	50	50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
66	Xã Chư Páh	45	-	-	-	-	15	7	3	5	30	30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
67	Xã Ayun	38	3	3	-	-	-	-	-	-	35	11	18	1	5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
68	Xã Sơn Lang	35	5	1	4	-	-	-	-	-	30	-	15	15	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
69	Phường AyunPa	33	-	-	-	-	-	-	-	-	30	5	25	-	-	3	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-
70	Xã Ia Chía	32	7	3	4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	25	10	10	-	5	-	-	-	-	-	-	-
71	Xã Mang Yang	31	11	-	11	-	-	-	-	-	20	10	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
72	Xã Ia Báng	16	8	7	2	-	-	-	-	-	8	8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
73	Phường Pleiku	12	2	-	2	-	-	-	-	-	10	-	10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	Xã Đak Đoa	9	8	7	2	-	-	-	-	-	1	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
75	Phường Thống Nhất	2	2	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
76	Phường Diên Hồng	2	2	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng của Bình định cũ			792	122	32	90	-	13	-	13	-	307	-	307	-	-	-	-	-	-	-	350	295	-	55	-	-
1	Xã Phù Mỹ Nam	234	-	-	-	-	-	-	-	-	234	-	234					-				-					
2	Bình Hiệp	126																			126	71		55			
3	Hòa Hội	86																			86	86					
4	Bình Khê	65																			65	65					
5	Hoài Nhơn	52	52	32	20																						
6	Tam Quan	48	48		48																						
7	Xã Phù Mỹ	48									48		48														
8	Xã Hoài Ân	36																			36	36					
9	Vân Canh	27	4		4		11		11		12		12														
10	Xã An Lão	20																			20	20					
11	Canh Vinh	13	8		8		2		2		3		3														
12	Xã Vạn Đức	11																			11	11					
13	Vinh Quang	10									10		10														
14	Cát Tiến	10	10		10																						
15	Xã Ân Hào	4																			4	4					
16	Xã Kim Sơn	2																			2	2					

STT	Xã, Phường	Tổng diện tích CD năm 2026	Chuyển đổi trên đất trồng lúa				Chuyển đổi trên đất trồng mía				Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng điều				Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác					
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang các dự án (điện gió, điện mặt trời, chăn nuôi...)
50	Xã Krong	34	-				-		-		10	5	5			4		4		20	-	20			
51	Phường AyunPa	33	-				-		-		30	5	25			3		3		-					
52	Xã Ia Nan	30	-				-		-		-		-			30	15	15		-	-	-			
53	Xã Ia Phí	28	-				-		28		22	7	15			6	3	3		-	-	-			
54	Xã Chư Páh	25	-				15	7	3	5	10	10	-			-				-	-	-			
55	Xã Chư Sê	25	2	1	1		-		-		23	10	13			-				-	-	-			
56	Phường An Khê	20	-				20	20	-		-		-			-				-	-	-			
57	Xã Đăk Rong	20	10			10	-		-		10	5	5			-				-	-	-			
58	Xã Ia O	17	7	2	5		-		-		-		-			10	5	5		-	-	-			
59	Xã Ia Chứa	17	7	3	4		-		-		-		-			10	5	5		-	-	-			
60	Xã Ia Bàng	16	8	7	2		-		-		8	8	-			-				-	-	-			
61	Xã Kon Gang	15	-				-		-		15	15				-				-	-	-			
62	Xã Ayun	15	-				-		-		15	6	3	1	5	-				-	-	-			
63	Phường Pleiku	12	2		2		-		-		10		10			-				-	-	-			
64	Phường An Phú	10	10	10			-		-		-		-			-				-	-	-			
65	Xã Hra	10	-				-		-		10	10	-			-				-	-	-			
66	Xã Đức Cơ	9	-				-		-		-		-			9	5	4		-	-	-			
67	Xã Đak Đoa	8	7	7	-		-		-		1		1			-				-	-	-			
68	Xã Ia Hrug	7	1	1	-		-		-		5	2	3			1		1		-	-	-			
69	Xã Ia Đok	5	-				-		-		-		-			5		5		-	-	-			
70	Xã Som Lang	5	5	1	4		-		-		-		-			-				-	-	-			
71	Phường An Bình	3	3	3	-		-		-		-		-			-				-	-	-			
72	Xã Albá	3	2		2		-		-		-		-			1		1		-	-	-			
73	Phường Thống Nhất	2	2	-	2		-		-		-		-			-				-	-	-			
74	Phường Diên Hồng	2	2	-	2		-		-		-		-			-				-	-	-			
75	Xã Mang Yang	2	2		2		-		-		-		-			-				-	-	-			
Tổng của Bình định cũ		280	103	32	71	-	-	-	-	-	137	-	137	-	-	-	-	-	-	40	30	-	10		
1	Xã Phù Mỹ Nam	110	-	-					-		110		110							-					
2	Hoài Nhơn	52	52	32	20				-		-		-							-					
3	Tam Quan	48	48		48				-		-		-							-					
4	Bình Khê	30	-						-		-		-							30	30				
5	Xã Phù Mỹ	21	-	-					-		21		21							-					
6	Bình Hiệp	10	-						-		-		-							10			10		
7	Vinh Quang	5	-						-		5		5							-					
8	Cát Tiến	3	3		3				-		-		-							-					
9	Vân Canh	1	-						-		1		1							-					

Phụ lục III

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG NĂM 2027 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	XÃ, PHƯỜNG	Tổng diện tích CD năm 2027	Chuyển đổi trên đất trồng lúa				Chuyển đổi trên đất trồng mía			Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng điều					Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác						
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang các dự án (diện gió, diện mặt trời, chăn nuôi...)		
Tổng cộng			6.710	530	225	285	20	2.200	1.020	1.180	2.135	930	1.155	35	15	1.000	510	445	30	15	845	480	55	60	50	200
Tổng của Gia Lai cũ			6.585	526	225	281	20	2.199	1.020	1.179	2.095	930	1.115	35	15	1.000	510	445	30	15	765	410	55	50	50	200
1	Xã Phú Thiện	710	470	200	270		100	45	55	130	60	70			10	5	5			-						
2	Xã Kông Bờ La	311	-				290	150	140	21	6	10		5	-					-						
3	Xã Pờ Tó	305	-				100	50	50	-		-			5		5			200					200	
4	Xã Tơ Tung	281	1	1			260	100	160	20		15	5		-					-						
5	Xã Kon Gang	240	-				-		-	40	30	10			-					200	200					
6	Xã Gào	220	-				-		-	10	10	-			60	50		10		150	50		50	50		
7	Xã Chư Prông	192	-				-		-	50	15	35			50	15	35			92	92					
8	Xã Ia Hrú	170	-				100	50	50	70	30	40			-					-						
9	Xã Đăk Pơ	170	-				100	30	70	70	25	45			-					-						
10	Xã Ia Grai	160	-				-		-	120	35	85			40	20	20			-						
11	Xã Chư Krey	155	-				100	40	60	45	20	25			10	5	5			-						
12	Xã Cửu An	150	-				100	80	20	50	30	20			-					-						
13	Xã Sró	150	-				100	40	60	50	25	25			-					-						
14	Xã Kbang	150	-				100	50	50	45	23	21			5	5				-						
15	Xã Ia Pa	149	-				99	55	44	30		30			20	20				-						
16	Xã Ia Le	135	-				-		-	100	40	60			35	10	15	10		-						
17	Xã Phú Túc	125	-				100	45	55	20	10	10			5		5			-						
18	Xã Ia Tul	122	-				100	60	40	10		10			12	10	2			-						
19	Xã Bâu Cạn	120	-				-		-	20	20	-			100	70	25	5		-						
20	Xã Ia Rsaí	120	-				100	50	50	-		-			20	5	15			-						
21	Xã Ia Boong	113	-				-		-	20	20	-			25	15	10			68	68					
22	Xã Ya Hội	110	-				100	40	60	10	5	5			-					-						
23	Xã Chơ Long	110	-				80	20	60	30	15	15			-					-						
24	Xã Ia Dom	110	-				-		-	50	50	-			60	30	30			-						
25	Xã Kông Chro	95	-				45	15	30	45	20	25			5	5				-						
26	Xã Ia Lâu	90	-				-		-	50	15	30	5		40	20	20			-						
27	Xã Ia Tờ	90	-				-		-	50	20	30			40	20	20			-						
28	Phường An Bình	90	-				50	25	25	40	20	20			-					-						
29	Xã Ya Ma	90	-				90	30	60	-		-			-					-						
30	Xã Ia Mơ	80	-				-		-	50	6	44			30	15	15			-						
31	Xã Ia Khưol	80	-				-		-	80		80			-					-						
32	Xã Uar	80	-				50	25	25	10		10			20	6	14			-						
33	Xã Ia Krái	80	-				-		-	50	20	30			30	15	15			-						
34	Xã Ya Ly	75	-				-		-	20	10	10			50	10	40			5		5				
35	Xã Ia Pia	70	-				-		-	50		40	10		20	10	10			-						
36	Xã Đúc Cơ	70	-				-		-	50	30	20			20	10	10			-						
37	Phường An Khê	65	5	5	-		30	20	10	30	15	15			-					-						
38	Xã Ia Puch	55	-				-		-	30	20	10			25	10	15			-						
39	Xã Krong	55	-				5		5	-		-			-					50		50				
40	Xã Ia Krêl	55	-				-		-	35	20	15			20	6	11	3		-						
41	Xã Biển Hồ	50	-				-		-	50	50	-			-					-						
42	Xã Đak Somei	50	-				-		-	50	35	15			-					-						
43	Xã Kon Chiêng	50	-				-		-	30	20	-	10		20	20				-						
44	Xã Ia Pnôn	50	-				-		-	-		-			50	20	20	10		-						
45	Xã Chư Puh	40	-				-		-	40	40	-			-					-						
46	Xã Ia Ko	37	-				-		-	30	5	25			7	7				-						

STT	XÃ, PHƯỜNG	Tổng diện tích CD năm 2027	Chuyển đổi trên đất trồng lúa				Chuyển đổi trên đất trồng mía			Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng điều					Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác					
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang các dự án (diện gió, diện mặt trời, chăn nuôi...)
47	Xã Đắk Rong	35	20			20	-		-	15		15			-					-					
48	Xã Ia Sao	35	-				-		-	30	10	20			5	5				-					
49	Xã Lơ Pang	32	-				-		-	30	30	-			2	2				-					
50	Xã Sơn Lang	30	-				-		-	30		15	15		-					-					
51	Xã Chư A Thai	30	10	2	8		-		-	20		20			-					-					
52	Xã KĐang	30	-				-		-	30	30	-			-					-					
53	Xã Ia Hrug	30	-				-		-	-		-			30	15	15			-					
54	Xã Ia Nan	30	-				-		-	-		-			30	15	15			-					
55	Xã Ia O	25	-				-		-	-		-			25	15	10			-					
56	Xã Ia Rbol	25	-				-		-	10		10			15	5	10			-					
57	Xã Ia Dreh	25	-				-		-	20		20			5		5			-					
58	Xã Mang Yang	22	2		2		-		-	20	10	10			-					-					
59	Xã Ia Phí	20	-				-		-	20	5	15			-					-					
60	Xã Bờ Ngoong	20	-				-		-	15	15	-			5		5			-					
61	Xã Ia Dok	20	-				-		-	-		-			20	5	13	2		-					
62	Xã Ia Chía	15	-				-		-	-		-			15	5	5	5		-					
63	Xã Hra	15	5	5			-		-	10		10			-					-					
64	Xã Albá	14	1	1			-		-	10		10			3	3				-					
65	Xã Chư Sê	12	2	1	1		-		-	5	5	-			5		5			-					
66	Xã Đắk Song	12	-				-		-	10		10			2	2				-					
67	Phường An Phú	10	10	10			-		-	-		-			-					-					
68	Xã Chư Păh	10	-				-		-	10	10	-			-					-					
69	Xã Ayun	10	-				-		-	10		10			-					-					
70	Xã Ia Hiao	4	-				-		-	-		-			4	4				-					
Tổng của Bình định cũ		125	4	-	4	-	1	-	1	40	-	40	-	-	-	-	-	-	-	80	70	-	10		
1	Bình Khê	35	-				-		-	-		-								35	35				
2	Xã Phù Mỹ Nam	24	-				-		-	24		24								-	-				
3	Bình Hiệp	17	-				-		-	-		-								17	7		10		
4	Xã Phù Mỹ	10	-				-		-	10		10								-	-				
5	Hòa Hội	8	-				-		-	-		-								8	8				
6	Vĩnh Quang	5	-				-		-	5		5								-					
7	Xã An Lão	5	-				-		-	-		-								5	5				
8	Xã Hoài Ân	5	-				-		-	-		-								5	5				
9	Xã Vạn Đức	4	-				-		-	-		-								4	4				
10	Xã Ân Hào	4	-				-		-	-		-								4	4				
11	Cát Tiến	2	2		2		-		-	-		-								-					
12	Canh Vinh	2	2		2		-		-	-		-								-					
13	Vân Canh	2	-				1		1	1		1								-					
14	Xã Kim Sơn	2	-				-		-	-		-								2	2				

Phụ lục IV

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG NĂM 2028 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	XÃ, PHƯỜNG	Tổng diện tích CD năm 2028	Chuyển đổi trên đất trồng lúa				Chuyển đổi trên đất trồng mía			Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác						
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang các dự án (điện gió, điện mặt trời, chăn nuôi...)	
Tổng cộng			4.260	565	320	220	25	1.200	580	620	1.000	315	605	15	65	700	335	330	30	5	795	165	75	75	50	430
Tổng của Gia Lai cũ			4.123	560	320	215	25	1.197	580	617	951	315	556	15	65	700	335	330	30	5	715	105	75	55	50	430
1	Xã Phú Thiện	565	500	300	200		-		-	60	30	30			5	5				-						
2	Xã Pờ Tó	535					100	50	50	-	-	-			5	5				430					430	
3	Xã Kông Bờ La	271					258	130	128	10	5	5			3		3			-						
4	Xã Gào	270					-		-	10	10	-			60	12	25	23		200	100		50	50		
5	Xã Tơ Tung	150	-				150	70	80	-	-	-			-					-						
6	Xã Ia Hnú	130					100	50	50	20		20			10	10				-						
7	Xã Ia Ko	120					-		-	100	40	60			20	10	10			-						
8	Xã Chư Prông	110					-		-	50	10	40			60	30	30			-						
9	Phường An Bình	110					100	50	50	10	5	5			-					-						
10	Xã Ia Rsai	110					100	55	45	-		-			10		10			-						
11	Xã Chư Krey	100					100	50	50	-		-			-					-						
12	Xã Phú Túc	100					100	50	50	-		-			-					-						
13	Xã Ia Le	80					-		-	40	10	30			40	20	20			-						
14	Xã Bàu Cạn	80					-		-	-		-			50	20	30		30	3	22	5				
15	Xã Ia Lầu	75					-		-	50	20	30			25	10	15			-						
16	Xã Chư Puh	75					-		-	50		-	50		25	25				-						
17	Xã Ia Boong	70					-		-	30		25	5		40	10	30			-						
18	Xã Đăk Pơ	70					50	25	25	20	10	10			-					-						
19	Xã Ia Grai	60	-				-		-	50	25	20		5	10		10			-						
20	Xã Chợ Long	55					50	15	35	-		-			5	3		2		-						
21	Xã Ia Tờ	51					-		-	21	5	16			30	15	15			-						
22	Xã Ia Puch	50					-		-	10		5	5		40	20	20			-						
23	Xã Ia Pia	50					-		-	30	10	20			20	10	10			-						
24	Phường An Khê	50	-				-		-	50	20	30			-					-						
25	Xã Krong	50					-		-	-		-			-				50		50					
26	Xã Sró	50					50	20	30	-		-			-					-						
27	Xã Kông Chro	47					30	10	20	15	5	10			2	1	1			-						
28	Xã Ia Mơr	40					-		-	10		10			30	10	20			-						
29	Xã Ia Khur	40					-		-	40		40			-					-						
30	Xã Kbang	30					-		-	20	10	10			10	5		5		-						
31	Xã Đăk Rong	30	20			20	-		-	10		10			-					-						
32	Xã Chư A Thai	30	15		10	5	-		-	10		10			5	5				-						
33	Xã Đức Cơ	30	-				-		-	20	20	-			10	10				-						
34	Xã Ia Dom	30	-				-		-	-		-			30	15	15			-						
35	Xã Ia Pnôn	30	-				-		-	-		-			30	15	15			-						
36	Xã Ya Ly	25					-		-	20	10	-	10		-				5	2	3					
37	Xã Ia Hiao	20					-		-	20		15	5		-					-						
38	Xã Ia Tul	20					-		-	20	10	10			-					-						
39	Xã KĐang	20					-		-	20	10	10			-					-						
40	Xã Đak Somei	20					-		-	20	10	10			-					-						
41	Xã Ia Hrug	20	-				-		-	-		-			20	10	10			-						
42	Xã Ia Đok	20	-				-		-	-		-			20	10	10			-						
43	Xã Ia Nan	20	-				-		-	-		-			20	10	10			-						
44	Xã Hra	16	6	6			-		-	10	5	5			-					-						
45	Xã Ia Phí	15					-		-	15		15			-					-						
46	Xã Bờ Ngoong	15					-		-	10		10			5	2	3			-						

STT	Xã, Phường	Tổng diện tích CD năm 2028	Chuyển đổi trên đất trồng lúa				Chuyển đổi trên đất trồng mía			Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác					
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang các dự án (điện gió, điện mặt trời, chăn nuôi...)
47	Xã Albá	15	-				-		-	10	5	5			5	5				-					
48	Xã Đắk Song	15					-		-	10		10			5			5		-					
49	Xã Ayun	13	3	3	-		-		-	10	5	5			-					-					
50	Xã Chư Sê	12	2	1	1		-		-	5	5	-			5	2	3			-					
51	Xã Ia O	10	-				-		-	-		-			10	5	5			-					
52	Phường An Phú	10	10	10			-		-	-		-			-					-					
53	Xã Biển Hồ	10					-		-	10	10	-			-					-					
54	Xã Cửu An	10					-		-	10		10			-					-					
55	Xã Ya Hội	10					-		-	10		10			-					-					
56	Xã Ia Pa	10					-		-	-		-			10	10				-					
57	Xã Uar	10					-		-	-		-			10	10				-					
58	Xã Kon Gang	10					-		-	10	5	5			-					-					
59	Xã Ia Krêl	10	-				-		-	-		-			10	5	5			-					
60	Xã Ya Ma	9					9	5	4	-		-			-					-					
61	Xã Chư Păh	5					-		-	5	5	-			-					-					
62	Xã Ia Rbol	5					-		-	-		-			5		5			-					
63	Xã Mang Yang	4	4		4		-		-	-		-			-					-					
Tổng của Bình định cũ		137	5	-	5	-	3	-	3	49	-	49	-	-	-	-	-	-	-	80	60	-	20	-	
1	Bình Hiệp	40	-				-		-	-		-								40	20		20		
2	Xã Phú Mỹ Nam	32	-				-		-	32		32								-	-				
3	Hòa Hội	18	-				-		-	-		-								18	18				
4	Xã Phú Mỹ	13	-				-		-	13		13								-	-				
5	Xã Hoài An	10	-				-		-	-		-								10	10				
6	Xã Vạn Đức	7	-				-		-	-		-			-					7	7				
7	Canh Vinh	6	3		3		1		1	2		2								-					
8	Xã An Lão	5	-				-		-	-		-								5	5				
9	Vân Canh	4	-				2		2	2		2								-					
10	Cát Tiến	2	2		2		-		-	-		-								-					

Phụ lục V

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG NĂM 2029 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	XÃ, PHƯỜNG	Tổng diện tích CD năm 2029	Chuyển đổi trên đất trồng lúa				Chuyển đổi trên đất trồng mía			Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng điều				Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác					
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	
Tổng cộng			3.405	580	315	245	20	800	425	375	990	365	505	15	105	800	310	450	40	235	120	50	40	25
Tổng của Gia Lai cũ			3.275	575	315	240	20	796	425	371	949	365	464	15	105	800	310	450	40	155	55	50	25	25
1	Xã Phú Thiện	590	520	300	220		-		-	60	25	35			10		10		-					
2	Xã Gào	210					-		-	10	10	-			100	40	60		100	50		25	25	
3	Xã Ia Rсай	130					50	20	30	-		-			80	30	50		-					
4	Xã Ia Grai	120	-				-		-	30		25	5		90	35	45	10	-					
5	Xã Ia Hrú	120					100	60	40	20		20			-				-					
6	Xã Kông Bờ La	112	2	2			100	55	45	10		10			-				-					
7	Xã Kông Chro	108					70	45	25	33	14	19			5	5			-					
8	Xã Pờ Tó	105					100	55	45	-		-			5	5			-					
9	Xã Uar	100					-		-	-		-			100	35	65		-					
10	Xã Tơ Tung	100					100	60	40	-		-			-				-					
11	Xã Chư Krey	96					96	40	56	-		-			-				-					
12	Xã Ia Pia	95					-		-	50	50	-			45	20	25		-					
13	Xã Chư Puh	75					-		-	70	20	20		30	5	5			-					
14	Xã Đăk Pơ	70					50	25	25	20	5	10	5		-				-					
15	Xã Ia Boong	70					-		-	50	20	30			20		10	10	-					
16	Xã Ia Nan	70	-				-		-	-		-			70	25	40	5	-					
17	Xã Ia Khưol	70					-		-	70		-		70	-				-					
18	Xã Ia Lâu	65					-		-	20		20			45	20	25		-					
19	Phường An Bình	60					50	30	20	10	5	5			-				-					
20	Xã Ia Ko	55					-		-	45	20	25			10	5	5		-					
21	Xã Ia Puch	50					-		-	30	5	20	5		20	10	10		-					
22	Xã Ia Dok	50	-				-		-	-		-			50	20	25	5	-					
23	Xã Đak Somei	50					-		-	50	25	25			-				-					
24	Xã Chơ Long	50					50	20	30	-		-			-				-					
25	Xã Krong	50					-		-	-		-			-				50		50			
26	Xã Chư A Thai	43	18	2	16		-		-	20	10	10			5		5		-					
27	Xã Ia Le	40					-		-	40	10	30			-				-					
28	Xã Albá	40					-		-	40	15	25			-				-					
29	Xã Đức Cơ	35	-				-		-	15		15			20	15	5		-					
30	Xã KĐang	30					-		-	30		30			-				-					
31	Xã Sró	30					30	15	15	-		-			-				-					
32	Xã Chư Prông	30					-		-	30	30	-			-				-					
33	Xã Đăk Rong	25	20			20	-		-	5		5			-				-					
34	Xã Ya Ly	25					-		-	20	20	-			-				5	5				
35	Xã Ia Rbol	25					-		-	-		-			25	10	15		-					
36	Xã Ia Mơr	20					-		-	10		10			10		10		-					
37	Xã Ia Pnón	20	-				-		-	-		-			20	5	10	5	-					
38	Xã Ia Krêl	20	-				-		-	-		-			20	10	10		-					
39	Xã Kbang	20	-				-		-	20	10	10			-				-					
40	Phường An Khê	20					-		-	20	10	10			-				-					
41	Xã Ia Tờr	20					-		-	20	10	10			-				-					
42	Xã Hra	15	-				-		-	15		15			-				-					
43	Xã Phú Túc	15					-		-	-		-			15		15		-					

STT	XÃ, PHƯỜNG	Tổng diện tích CD năm 2029	Chuyển đổi trên đất trồng lúa				Chuyển đổi trên đất trồng mía			Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng điều				Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác				
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu
44	Xã Chư Sê	12	2	1	1		-		-	10	5	5			-				-				
45	Xã Ia O	10	-				-		-	-		-			10	10			-				
46	Xã Ia Dom	10	-				-		-	-		-			10		5	5	-				
47	Xã Kon Gang	10					-		-	10	5	5			-				-				
48	Xã Ia Pa	10					-		-	-		-			10	5	5		-				
49	Xã Đắk Song	10					-		-	10		10			-				-				
50	Xã Ya Hội	10					-		-	10	10	-			-				-				
51	Xã Cửu An	10					-		-	10	5	5			-				-				
52	Xã Bờ Ngoong	10					-		-	10	5	5			-				-				
53	Xã Biển Hồ	10					-		-	10	10	-			-				-				
54	Phường An Phú	10	10	10			-		-	-	-	-			-	-			-				
55	Xã Ia Phí	10					-		-	10	5	-		5	-				-				
56	Xã Chư Păh	5					-		-	5	5	-			-				-				
57	Xã Mang Yang	3	3		3		-		-	-	-	-			-				-				
Tổng của Bình định cũ		130	5	-	5	-	4	-	4	41	-	41	-	-	-	-	-	-	80	65	-	15	
1	Bình Hiệp	35	-				-		-	-		-							35	20		15	
2	Xã Phú Mỹ Nam	33	-				-		-	33		33							-				
3	Hòa Hội	30	-				-		-	-		-							30	30			
4	Văn Canh	10	2		2		4		4	4		4							-				
5	Xã Hoài Ân	10	-				-		-	-		-							10	10			
6	Xã Phú Mỹ	6	2		2		-		-	4		4							-				
7	Xã An Lão	5	-				-		-	-		-							5	5			
8	Canh Vinh	1	1		1		-		-	-		-							-				

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG NĂM 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	XÃ, PHƯỜNG	Tổng diện tích CD năm 2030	Chuyển đổi trên đất trồng lúa			Chuyển đổi trên đất trồng mía				Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng điều				Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác								
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang các dự án (diện gió, diện mặt trời, chăn nuôi...)			
Tổng cộng			4.185	565	210	355	810	450	340	20	1.540	555	810	60	115	1.000	550	400	50	270	120	100	25	25			
Tổng của Gia Lai cũ			4.065	560	210	350	805	450	335	20	1.500	555	770	60	115	1.000	550	400	50	200	50	100	25	25			
1	Xã Phú Thiện	670	550	200	350	-		-	-	120		120	-	-	-	-	-	-	50	-	-	-	-	-			
2	Xã Ia Pía	290				-		-	-	70	30	40			220	150	70		-	-							
3	Xã Ia Lâu	200				-		-	-	30	15	15			170	100	70		-	-							
4	Xã Kông Chro	148				100	65	35	-	45	25	20			3		3		-	-							
5	Xã Ia Mơr	140				-		-	-	30	-	25	5		110	40	25	45	-	-							
6	Xã Ia Hrú	140				100	65	35	-	40	20	20			-				-	-							
7	Xã Pờ Tô	140	-			95	60	35	-	-		-			45	45			-	-							
8	Phường An Bình	135				95	55	40	-	40	20	20			-				-	-							
9	Xã Kông Bờ La	127				100	60	40	-	15	5	10			12		12		-	-							
10	Xã Chư Krey	115				115	55	60	-	-		-			-				-	-							
11	Xã Gào	110				-		-	-	10	10	-			-				100	50		25	25				
12	Xã Ia Boong	100				-		-	-	100	100	-			-				-	-							
13	Xã Ia Krêl	100	-			-		-	-	-		-			100	50	50		-	-							
14	Xã Ia Khuról	90				-		-	-	90	20	-		70	-				-	-							
15	Xã Chư Pưh	90				-		-	-	90	30	60			-				-	-							
16	Xã Ia Puch	80				-		-	-	50		5	45		30	15	10	5	-	-							
17	Xã Ia Rsai	80	-			30	20	10	-	-		-			50	25	25		-	-							
18	Xã Ia Le	70				-		-	-	70	30	40			-				-	-							
19	Xã Ia Tờr	60				-		-	-	60	25	35			-				-	-							
20	Xã Kbang	60				-		-	-	60	20	20		20	-				-	-							
21	Xã Ia Nan	60	-			-		-	-	-		-			60	30	30		-	-							
22	Xã Ia Ko	55				-		-	-	55	25	30			-				-	-							
23	Xã Chư A Thai	55	-			-		-	-	15	5	10			40	20	20		-	-							
24	Xã Tơ Tung	50				50	25	25	-	-		-			-				-	-							
25	Xã Krong	50				-		-	-	-		-			-				50		50						
26	Xã Chơ Long	50				50	25	25	-	-		-			-				-	-							
27	Xã Ia Pa	50	-			-		-	-	-		-			50	20	30		-	-							
28	Xã Uar	50	-			-		-	-	-		-			50	25	25		-	-							
29	Xã Đak Somei	50	-			-		-	-	50	10	15		25	-				-	-							
30	Xã Kon Chiêng	50	-			50	15	15	20	-		-			-				-	-							
31	Xã Ia Grai	50	-			-		-	-	50	20	30			-				-	-							
32	Xã Ia Krái	50	-			-		-	-	50		50			-				-	-							
33	Xã Ia Pnôn	50	-			-		-	-	-		-			50	30	20		-	-							
34	Xã Bàu Cạn	46				-		-	-	-		-			-				46		46						
35	Xã Ya Ly	44				-		-	-	40	20	20			-				4		4						
36	Xã Albá	40				-		-	-	40	20	20			-				-	-							
37	Xã Đăk Pơ	40				-		-	-	40	10	25	5		-				-	-							
38	Xã Biên Hồ	30				-		-	-	30	30	-			-				-	-							
39	Phường An Khê	30				-		-	-	30	15	15			-				-	-							
40	Xã Cửu An	30				-		-	-	30	15	15			-				-	-							
41	Xã Ia Phí	20				-		-	-	20		20			-				-	-							
42	Xã Chư Prông	20				-		-	-	20	10	10			-				-	-							
43	Xã Sró	20				20	5	15	-	-		-			-				-	-							
44	Xã Đăk Song	20				-		-	-	20		15	5		-				-	-							
45	Xã KDang	20	-			-		-	-	20	10	10			-				-	-							
46	Xã Bờ Ngoong	15				-		-	-	15		15			-				-	-							
47	Xã Hra	15	-			-		-	-	15	10	5			-				-	-							
48	Xã Đức Cơ	15	-			-		-	-	15	5	10			-				-	-							

STT	XÃ, PHƯỜNG	Tổng diện tích CD năm 2030	Chuyển đổi trên đất trồng lúa			Chuyển đổi trên đất trồng mía				Chuyển đổi trên đất trồng sắn					Chuyển đổi trên đất trồng điều				Chuyển đổi trên đất trồng cây trồng khác					
			Tổng	Chuyển sang trồng rau	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Tổng	Chuyển sang trồng cây ăn quả	Chuyển sang trồng cây lâu năm	Chuyển sang trồng đậu đỗ, cây hàng năm	Chuyển sang trồng được liệu	Chuyển sang các dự án (điện gió, điện mặt trời, chăn nuôi...)
49	Phường An Phú	10	10	10		-		-		-		-			-				-					
50	Xã Chư Sê	10	-			-		-		10		10			-				-					
51	Xã Ya Hội	10	10			-		-		10		10			-				-					
52	Xã Phú Túc	10	-			-		-		-		-			10		10		-					
53	Xã Đắk Rong	5				-		-		5		5			-				-					
Tổng của Bình định cũ		120	5	-	5	5	-	5	-	40	-	40	-	-	-	-	-	-	70	70	-			
1	Xã Phú Mỹ Nam	35	-			-				35		35							-					
2	Hòa Hội	30	-			-				-		-							30	30				
3	Bình Hiệp	24	-			-				-		-							24	24				
4	Xã Hoài Ân	11	-			-				-		-							11	11				
5	Vân Canh	10	2		2	4		4		4		4							-					
6	Xã An Lão	5	-			-				-		-							5	5				
7	Canh Vinh	3	1		1	1		1		1		1							-					
8	Cát Tiên	2	2		2	-				-		-							-					